

Số: 4315/QĐ-HVBCTT

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Căn cứ Quyết định số 9019-QĐ/HVCTQG ngày 29/4/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1111-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Trưởng ban Quản lý đào tạo,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình xây dựng hồ sơ mở ngành đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều 2: Trưởng Ban Quản lý Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.



Phạm Minh Sơn

**QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO,
ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH ĐÀO TẠO
TẠI HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 431/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày
14/9 / 2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
2. Thông tư này áp dụng đối với Khoa/viện được phép đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Danh mục thống kê ngành đào tạo là Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV đối với các trình độ của giáo dục đại học, do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
2. Ngành đào tạo là tập hợp kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, được thống kê, phân loại trong Danh mục thống kê ngành đào tạo.
3. Nhóm ngành đào tạo là tập hợp một số ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn, trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, được thống kê, phân loại trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
4. Lĩnh vực đào tạo là tập hợp các nhóm ngành đào tạo có những đặc điểm chung về kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ được thống kê, phân loại trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp II thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.
5. Ngành phù hợp ở trình độ tiến sĩ đối với một ngành đào tạo dự kiến mở ở trình độ đại học/thạc sĩ là ngành có cùng tên và cùng 6 chữ số cuối của mã ngành theo Danh mục thống kê ngành đào tạo; trường hợp ngành đó chưa được đào tạo trong nước ở trình độ tiến sĩ hoặc chưa có nhiều người tốt nghiệp thì ngành phù hợp là ngành có nội dung kiến thức chuyên môn gần nhất và thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo ở trình độ đại học/thạc sĩ. Riêng đối với

ngành thuộc nhóm ngành Đào tạo giáo viên (trình độ đại học), ngành phù hợp ở trình độ tiến sĩ là ngành chuyên môn tương ứng với ngành đào tạo giáo viên, hoặc là ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (của ngành chuyên môn tương ứng).

6. Ngành phù hợp ở trình độ tiến sĩ đối với một ngành dự kiến mở ở trình độ tiến sĩ là ngành dự kiến mở; trường hợp ngành dự kiến mở chưa được đào tạo trong nước hoặc chưa có nhiều người tốt nghiệp, ngành phù hợp là ngành có nội dung kiến thức chuyên môn gần nhất và thuộc cùng nhóm ngành với ngành dự kiến mở.

7. Thành phần của một chương trình đào tạo là một nhóm học phần và các hoạt động học tập, nghiên cứu khác có đặc điểm chung về chuyên môn; có vai trò rõ nét trong thực hiện một nhóm mục tiêu và yêu cầu đầu ra của chương trình đào tạo. Các thành phần được sử dụng để thiết kế cấu trúc tổng thể của chương trình đào tạo (như giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, và các thành phần khác).

8. Giảng viên toàn thời gian trong mở ngành đào tạo bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên đang làm việc toàn thời gian tại cơ sở đào tạo (sau đây gọi chung là giảng viên toàn thời gian), cụ thể như sau:

a) Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

b) Giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên, làm việc toàn thời gian tại cơ sở đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chế độ làm việc của giảng viên đại học trong cả năm học tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mở ngành, đồng thời không ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 3 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác.

9. Giảng viên thỉnh giảng trong mở ngành đào tạo là người không thuộc diện theo quy định tại khoản 8 Điều này nhưng có ký hợp đồng thỉnh giảng với cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật, giảng dạy theo kế hoạch được phân công tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mở ngành, được cơ sở đào tạo trả lương, thù lao theo hợp đồng thỉnh giảng với cơ sở đào tạo.

10. Giảng viên có chuyên môn phù hợp để giảng dạy chương trình đào tạo là giảng viên được đào tạo ở trình độ và ngành có kiến thức chuyên môn phù hợp

để giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo của ngành dự kiến mở; đồng thời đã có kinh nghiệm giảng dạy đại học tối thiểu từ 02 năm trở lên đối với các học phần tương ứng trong chương trình đào tạo của ngành dự kiến mở hoặc đã có các công trình khoa học liên quan đến nội dung được dự kiến phân công giảng dạy được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

CHƯƠNG II

ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Điều 3. Điều kiện chung

Cơ sở đào tạo phải đáp ứng điều kiện chung khi mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ hoặc trình độ tiến sĩ, bao gồm:

1. Về ngành đào tạo và trình độ đào tạo dự kiến mở

a) Phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo bảo đảm hội nhập quốc tế; bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt và công bố của các bộ, ngành, địa phương hoặc báo cáo chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có), phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo;

b) Có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo (trừ trường hợp có quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ); việc đề xuất bổ sung ngành mới vào Danh mục thống kê ngành đào tạo thực hiện theo Thông tư quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

2. Về đội ngũ giảng viên

Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo, lĩnh vực, nhóm ngành và ngành đào tạo, trong đó giảng viên thỉnh giảng (tính theo từng năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo; các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật (quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này), giảng viên thỉnh giảng có thể đảm nhận tối đa 40% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo;

3. Về cơ sở vật chất

a) Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và các quy định tại Thông tư này;

b) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên

cứ khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo ở từng trình độ đào tạo và phải có kế hoạch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích và các thiết bị cụ thể của từng phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp với số lượng sinh viên thực hành, thí nghiệm tại mỗi bàn và mỗi thiết bị trong mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học;

c) Có hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài nhà trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học;

d) Có thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học; có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo; từ năm học 2023 - 2024 trở đi, yêu cầu bắt buộc phải có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo;

e) Có trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

4. Chương trình đào tạo của ngành đề xuất mở được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

5. Có đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở.

6. Phải đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tối thiểu theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.

7. Hội đồng trường đã có nghị quyết thông qua chủ trương mở ngành đào tạo của cơ sở đào tạo.

Điều 4. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học

Cơ sở đào tạo mở ngành đào tạo trình độ đại học phải đáp ứng các điều

kiện chung để mở ngành đào tạo theo quy định tại Điều 3 Quy định này và các điều kiện cụ thể sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo:

1. Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác (trường hợp ngành đào tạo dự kiến mở là ngành ghép bởi các ngành học từ các nhóm ngành khác nhau, hoặc ngành đào tạo mang tính liên ngành được sắp xếp đồng thời vào một số nhóm ngành khác nhau, yêu cầu mỗi ngành được ghép phải có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

2. Có ít nhất 05 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình (tính cả tiến sĩ ngành phù hợp quy định tại khoản 1 Điều này), trong đó mỗi thành phần của chương trình đào tạo phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy.

3. Có đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quy định này) bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của chương trình đào tạo và bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm, bảo đảm tỉ lệ sinh viên trên giảng viên theo quy định; có kế hoạch, phương án tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ 3 chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO, ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH ĐÀO TẠO

Điều 7. Xây dựng, đề xuất và phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo

1. Giám đốc Học viện chỉ đạo, tổ chức việc xây dựng và đề xuất chủ trương về việc mở ngành đào tạo.

2. Nội dung đề xuất chủ trương về việc mở ngành gồm có:

a) Về sự cần thiết đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo: báo cáo phân tích, thuyết minh về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động hiện tại và hướng đến trong thời gian tới; phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực về số lượng, trình độ, khảo sát yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn và phạm vi thị trường nhân lực theo ngành đào tạo; phân tích xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của cơ sở đào tạo, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước;

b) Về năng lực của cơ sở đào tạo: báo cáo phân tích, thuyết minh về năng lực hiện có của cơ sở đào tạo đối với ngành và trình độ đào tạo đề xuất mở, bao gồm đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công nghệ học liệu, chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế;

c) Về mục tiêu phát triển ngành đào tạo đề xuất mở: báo cáo thuyết minh kết quả mong đợi về thời gian mở ngành đào tạo, thời gian triển khai tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, kế hoạch và số lượng tuyển sinh, quy mô đào tạo của ngành trong thời gian từ 05 đến 10 năm tới, chất lượng đào tạo, hiệu quả và tác động xã hội;

d) Về giải pháp và lộ trình thực hiện: báo cáo thuyết minh các giải pháp và lộ trình về xây dựng đề án mở ngành đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo, nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu, nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo, kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo;

e) Về phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro: báo cáo phân tích, thuyết minh dự báo các tình huống rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục; báo cáo phân tích cụ thể về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo;

3. Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo tổ chức thẩm định và có kết luận về đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo đã được xây dựng bảo đảm đầy đủ nội dung và chất lượng theo các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

4. Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo

Trên cơ sở chủ trương đề xuất mở ngành đào tạo đã được hội đồng khoa học và đào tạo tổ chức thẩm định và có kết luận theo quy định tại khoản 3 Điều này, giám đốc báo cáo trình hội đồng trường phê duyệt đối với ngành đào tạo có nhiều đơn vị thành viên tham gia thực hiện chương trình đào tạo. Hội đồng trường, hội đồng đại học chịu trách nhiệm về các nội dung:

a) Định hướng phát triển ngành đề xuất mở phải phù hợp với định hướng phát triển của cơ sở đào tạo, bảo đảm phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực của các Bộ, ngành, địa phương, cả nước và hội nhập quốc tế;

b) Bảo đảm nguồn lực để triển khai đề án mở ngành đào tạo đạt hiệu quả;

c) Đánh giá về dự báo rủi ro, các giải pháp ngăn ngừa, đề phòng rủi ro và cách thức giải quyết trong trường hợp xảy ra rủi ro khi mở ngành đào tạo.

Điều 8. Xây dựng đề án, chuẩn bị điều kiện mở ngành đào tạo

Trên cơ sở chủ trương mở ngành được phê duyệt, giám đốc học viện chỉ đạo và tổ chức xây dựng đề án mở ngành đào tạo. Nội dung đề án mở ngành đào tạo gồm có:

1. Một số thông tin cơ bản giới thiệu về cơ sở đào tạo: giới thiệu sơ lược về cơ sở đào tạo.

2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo: báo cáo khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành đào tạo đã được phê duyệt.

3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo: hiệu trưởng cơ sở đào tạo chỉ đạo và tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, bảo đảm tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục đại học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

a) Căn cứ các quy định về điều kiện đội ngũ giảng viên trong mở ngành đào tạo theo quy định và điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo, giám đốc học viện chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc chuẩn bị về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học nhằm đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo tương ứng với mỗi trình độ đào tạo theo quy định tại các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành;

b) Xây dựng kế hoạch, xác định thời gian, lộ trình và cam kết thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị, tổ chức, cá nhân của cơ sở đào tạo và tổ

chức triển khai thực hiện việc tuyển dụng, ký hợp đồng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học, bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phân công giảng dạy, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với qui mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định của Thông tư này, quy định của cơ sở đào tạo, bảo đảm tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành và phải được cam kết thực hiện trong đề án mở ngành đào tạo.

5. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo

a) Xác định đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở;

b) Phân công cán bộ quản lý chuyên môn và giao trách nhiệm, quyền hạn cho tập thể và cá nhân cán bộ quản lý chuyên môn để quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn đối với ngành đào tạo dự kiến mở.

6. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

a) Báo cáo phân tích tình hình phát triển kinh tế xã hội, dự báo những biến động có thể xảy ra, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của cơ sở đào tạo và những nội dung khác có liên quan, từ đó dự báo các rủi ro có thể xảy ra khi mở ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo cùng các giải pháp chung để ngăn ngừa kịp thời nhằm hạn chế rủi ro cũng như đề xuất các phương án cụ thể mang tính chủ động để ngăn ngừa và xử lý khi rủi ro xảy ra;

b) Báo cáo thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, cơ sở đào tạo và các bên liên quan.

7. Các minh chứng kèm theo đề án

a) Nghị quyết của hội đồng trường, hội đồng đại học phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo hoặc văn bản phê duyệt chủ trương mở ngành của cơ quan quản lý trực tiếp cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo chưa có hội đồng trường);

b) Biên bản thẩm định đề án mở ngành của hội đồng khoa học và đào tạo;

c) Quyết định thành lập hội đồng xây dựng, hội đồng thẩm định; biên bản thẩm định chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định; quyết định ban hành chương trình đào tạo;

d) Danh sách đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định tại khoản 4 Điều này, gồm các thông tin theo mẫu báo cáo quy định tại Mục 1 (về giảng viên) và Mục 2 (về kết quả nghiên cứu khoa học) Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quy định này; bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, bản sao chứng thực văn bằng do cơ sở đào tạo Việt Nam cấp hoặc văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp và giấy công nhận văn bằng do cơ quan có thẩm quyền cấp;

e) Bảng thống kê về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo đã chuẩn bị theo quy định tại khoản 5 Điều này, gồm các thông tin theo các mẫu báo cáo được quy định tại Mục 3 (về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo) Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe (đối với đề án mở ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe).

Điều 9. Thẩm định đề án mở ngành đào tạo

1. Hội đồng khoa học và đào tạo tổ chức thẩm định đề án mở ngành đào tạo, trong đó hội đồng thẩm định phải xem xét, đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo trên cơ sở căn cứ các quy định, đánh giá mức độ đáp ứng so với yêu cầu về điều kiện để được mở ngành đối với từng nội dung cụ thể của đề án, bao gồm thẩm định các điều kiện về tên ngành đào tạo, chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy - học trực tuyến và công tác tổ chức quản lý đối với ngành đào tạo đề xuất mở.

2. Kết quả thẩm định đề án mở ngành đào tạo của hội đồng khoa học và đào tạo phải được thể hiện bằng biên bản thẩm định và có kết luận cụ thể về việc cơ sở đào tạo đã có đủ điều kiện để được mở ngành đào tạo hoặc chưa đủ điều kiện, quy định của học viện và các quy định của pháp luật hiện hành. Trong quá trình thẩm định, hội đồng khoa học và đào tạo phải kiểm tra điều kiện thực tế và kiểm tra các minh chứng cụ thể trước khi kết luận, đồng thời báo cáo giám đốc học viện và chịu trách nhiệm giải trình về kết quả thẩm định.

3. Học viện quy định cụ thể nguyên tắc làm việc của hội đồng khoa học và đào tạo khi tổ chức thẩm định đề án mở ngành đào tạo, quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của hội đồng và các thành viên trong hội đồng.

Điều 10. Hồ sơ mở ngành đào tạo

Hồ sơ mở ngành đào tạo gồm có:

1. Văn bản đề nghị mở ngành đào tạo: tóm tắt quá trình xây dựng đề án, báo cáo khẳng định về việc bảo đảm đủ các điều kiện theo quy định để được mở ngành đào tạo và đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Đề án mở ngành đào tạo đã được thẩm định theo quy định tại Điều 9 Quy định này, bảo đảm đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

3. Công văn của đại học chấp thuận về mặt chủ trương (đối với các đơn vị thành viên thuộc đại học khi mở ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe và nhóm ngành Đào tạo giáo viên).

Điều 11. Phê duyệt đề án và quyết định mở ngành đào tạo

1. Đối với các cơ sở đào tạo có đủ điều kiện để được tự chủ mở ngành (ở từng trình độ đào tạo) theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018); quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác có liên quan của pháp luật, thực hiện như sau:

a) Giám đốc học viện quyết định việc mở ngành đối với các ngành, các trình độ đào tạo của giáo dục đại học, khi cơ sở đào tạo đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được mở ngành theo quy định tại quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật;

b) Giám đốc học viện quy định cụ thể việc gửi hồ sơ mở ngành để báo cáo và quyết định mở ngành thực hiện trong học viện.

Điều 12. Đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo

a) Cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo đối với ngành đã được mở khi có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm của cơ sở đào tạo ở một trong các trường hợp sau:

b) Tự chủ mở ngành khi chưa đủ điều kiện để được tự chủ mở ngành theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

c) Tự chủ mở ngành khi chưa đủ một trong các điều kiện được mở ngành đào tạo theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác có liên quan của pháp luật (bao gồm cả các điều kiện phải cam kết trong đề án mở ngành đào tạo theo quy định tại Thông tư này).

d) Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo đối với cơ sở đào tạo bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kết luận có vi phạm theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó xác định rõ lý do, phạm vi, thời hạn đình chỉ và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

e) Cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở đào tạo và không được tự chủ mở ngành đào tạo trong thời hạn 05 năm, kể từ khi có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm của cơ sở đào tạo.

f) Sau thời hạn đình chỉ hoạt động ngành đào tạo, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ hoạt động ngành đào tạo được khắc phục và cơ sở đào tạo bảo đảm đầy đủ các điều kiện để được mở ngành đào tạo theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác có liên quan của pháp luật, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép hoạt động ngành đào tạo trở lại. Trường hợp hết thời hạn đình chỉ hoạt động ngành đào tạo mà chưa được Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép hoạt động ngành đào tạo trở lại, nếu cơ sở đào tạo muốn tiếp tục tuyển sinh và tổ chức đào tạo ngành này, cơ sở đào tạo phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để được mở ngành và thực hiện lại trình tự, thủ tục mở ngành theo quy định tại quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

g) Đối với ngành đào tạo đã được mở nhưng trong thời gian 03 năm liên tiếp (đối với đào tạo trình độ đại học) và 05 năm liên tiếp (đối với đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc trình độ tiến sĩ) cơ sở đào tạo không tổ chức tuyển sinh hoặc không tuyển sinh được thì quyết định mở ngành đối với ngành này của cơ sở đào tạo hết hiệu lực. Nếu cơ sở đào tạo muốn tiếp tục tuyển sinh và tổ chức đào tạo ngành này, cơ sở đào tạo phải thực hiện lại trình tự, thủ tục mở ngành theo quy định tại quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Xây dựng và thực hiện quy định của cơ sở đào tạo

Căn cứ Quy định này và các quy định hiện hành khác có liên quan, cơ sở đào tạo có trách nhiệm:

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của cơ sở đào tạo trên cơ sở tư vấn của hội đồng khoa học và đào tạo và các quy định quản lý nội bộ, cụ thể hóa và có thể yêu cầu cao hơn nhưng không trái với các quy định của Thông tư này; quy định cụ thể quyền hạn, trách nhiệm của tập thể, đơn vị, cá nhân trong các hoạt động mở ngành đào tạo và chế tài xử lý vi phạm đối với tập thể, đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động mở ngành đào tạo.

2. Tổ chức triển khai thực hiện đúng cam kết theo đề án mở ngành đào tạo.

3. Thực hiện trách nhiệm trong việc đánh giá chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018); thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

4. Tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện hoạt động mở ngành đào tạo, việc thực hiện cam kết theo đề án mở ngành đào tạo và công tác bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật hiện hành; chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

5. Thực hiện giải trình theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Chế độ báo cáo, lưu trữ và công khai thông tin

1. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định mở ngành đào tạo theo quy định, cơ sở đào tạo báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo (trừ các ngành do Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định) và cơ quan quản lý trực tiếp:

a) Quyết định mở ngành đào tạo;

b) Đề án mở ngành đào tạo;

c) Địa chỉ truy cập trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo đã công khai các nội dung liên quan đến việc mở ngành đào tạo.

2. Đối với ngành đào tạo đã mở trình độ đại học: từ năm học thứ hai (kể từ khi ban hành quyết định mở ngành đào tạo) đến khi kết thúc khóa học đầu tiên, trước ngày bắt đầu năm học mới của từng năm học, cơ sở đào tạo phải báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan quản lý trực tiếp, việc cơ sở đào tạo đã chuẩn bị đủ các điều kiện về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất để thực hiện chương trình đào tạo đối với ngành đào tạo đã mở theo kế hoạch, lộ trình đã cam kết trong đề án mở ngành của cơ sở đào tạo, gồm các nội dung theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 4 Quy định này để phục vụ quản lý và công tác hậu kiểm

3. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, học viện gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan quản lý trực tiếp cơ sở đào tạo về quyết định mở ngành đào tạo đã hết hiệu lực (nếu có) của cơ sở đào tạo, theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Quy định này để phục vụ công tác quản lý, bao gồm các nội dung: số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành quyết định; cơ quan ban hành quyết định; tên ngành; trình độ đào tạo; lý do quyết định mở ngành hết hiệu lực.

4. Học viện có trách nhiệm lưu trữ và bảo quản hồ sơ mở ngành đào tạo, các tài liệu liên quan tới việc mở ngành đào tạo, các minh chứng kèm theo hồ sơ mở ngành đào tạo, bao gồm cả các minh chứng về việc đáp ứng các điều kiện mở ngành đào tạo, bảo đảm tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

5. Cơ sở đào tạo công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học như sau:

a) Công khai Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và định chỉ hoạt động ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo ít nhất là 45 ngày trước khi tổ chức thực hiện;

b) Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày ban hành quyết định mở ngành đào tạo hoặc nhận được quyết định cho phép mở ngành đào tạo của cơ quan có thẩm quyền, cơ sở đào tạo phải công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo các nội dung sau:

- Quyết định mở ngành đào tạo;
- Những nội dung cơ bản của đề án mở ngành đào tạo đã được phê duyệt, bao gồm: chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra và đề cương chương trình đào tạo; danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo; danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học; dự kiến kế hoạch

tuyển sinh và đào tạo trong 05 năm đầu tuyển sinh; địa điểm đào tạo và danh sách các địa điểm thực hành, thực tập;

- Cập nhật thông tin về mở ngành đào tạo, đề án mở ngành đào tạo của cơ sở đào tạo vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

PHỤ LỤC HỒ SƠ ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4318/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 14 tháng 5 năm 2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

TỜ TRÌNH ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo
2. Giới thiệu khái quát về Học viện Báo chí và Tuyên truyền
3. Về ngành đào tạo và chương trình đào tạo
4. Kết luận và kiến nghị

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Phần 1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1. Giới thiệu chung về Học viện Báo chí và Tuyên truyền
2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo
3. Kết luận .

Phần 2. Năng lực của cơ sở đào tạo

1. Đội ngũ giảng viên
2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo
3. Hoạt động nghiên cứu khoa học
4. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Phần 3. Chương trình và kế hoạch đào tạo

1. Mục tiêu đào tạo
2. Thời gian đào tạo
3. Khối lượng kiến thức toàn khóa
4. Đối tượng tuyển sinh, điều kiện nhập học
5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp
6. Thang điểm
7. Nội dung chương trình đào tạo
8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)
9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần
10. Đề cương chi tiết học phần

PHỤ LỤC

1. Biên bản họp Hội đồng khoa học và đào tạo thông qua Đề án mở ngành đào tạo
2. Biên bản kiểm tra thực tế các điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện

3. Quyết định thành lập và danh sách thành viên Hội đồng thẩm định
4. Biên bản thẩm định chương trình đào tạo
5. Phiếu thẩm định chương trình đào tạo của các thành viên Hội đồng
6. Quyết định ban hành chương trình đào tạo
7. Lý lịch khoa học của đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy ngành